

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	252.155.731	372.110.252
Tiền gửi ngân hàng	1.138.374.801	1.931.417.616
Các khoản tương đương tiền (*)	1.057.875.000	17.845.034.039
<b>Cộng</b>	<b>2.448.405.532</b>	<b>20.148.561.907</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	1	19.053	43.391	826.742.750
<b>Cộng</b>		<b>19.053</b>		<b>826.742.750</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	252.155.731	372.110.252
Tiền gửi ngân hàng	1.138.374.801	1.931.417.616
Các khoản tương đương tiền (*)	1.057.875.000	17.845.034.039
<b>Cộng</b>	<b><u>2.448.405.532</u></b>	<b><u>20.148.561.907</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	1	19.053	43.391	826.742.750
<b>Cộng</b>		<b><u>19.053</u></b>		<b><u>826.742.750</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	252.155.731	372.110.252
Tiền gửi ngân hàng	1.138.374.801	1.931.417.616
Các khoản tương đương tiền (*)	1.057.875.000	17.845.034.039
<b>Cộng</b>	<b><u>2.448.405.532</u></b>	<b><u>20.148.561.907</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	1	19.053	43.391	826.742.750
<b>Cộng</b>		<b><u>19.053</u></b>		<b><u>826.742.750</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín giảm do bán 43.390 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.053.024.241 VND.

### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	171.538.650
Hoàn nhập dự phòng	(171.538.650)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>

### 4. Phải thu khách hàng

Tiền nước chưa thu.

### 5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu tồn kho.

### 6. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	21.483.041.051	7.023.180.678	55.417.502.011	823.609.233	84.747.332.973
Mua sắm mới	25.606.600	1.195.852.145	-	185.185.455	1.406.644.200
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	84.476.674	16.223.778.475	-	16.308.255.149
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.508.647.651</b>	<b>8.303.509.497</b>	<b>71.641.280.486</b>	<b>1.008.794.688</b>	<b>102.462.232.322</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.446.253.671	5.034.769.994	1.956.316.736	194.181.277	15.631.521.678
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	18.801.839.804	5.448.513.593	18.887.097.653	397.562.062	43.535.013.112
Khấu hao trong năm	729.917.250	587.388.520	3.372.206.389	113.296.065	4.802.808.224
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.531.757.054</b>	<b>6.035.902.113</b>	<b>22.259.304.042</b>	<b>510.858.127</b>	<b>48.337.821.336</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	2.681.201.247	1.574.667.085	36.530.404.358	426.047.171	41.212.319.861
Số cuối năm	1.976.890.597	2.267.607.384	49.381.976.444	497.936.561	54.124.410.986
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	12.701.203.667	6.587.937.402	(16.308.255.149)	(226.556.000)	2.754.329.920
- Lắp đặt các cụm đồng hồ nước	68.583.496	15.893.178	(84.476.674)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống HDPE	127.980.617	87.359.778	(215.340.395)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống PVC	12.504.639.554	827.296.502	(13.331.936.056)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống dây inox D400	-	218.686.000	(218.686.000)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 - Tân Phú	-	38.891.921	(38.891.921)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 - Tân Hải	-	41.124.867	(41.124.867)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống PVC D300 - KCN Phú Mỹ 1	-	950.944.776	(950.944.776)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống PVC D168 - Hội Bài	-	31.665.062	(31.665.062)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 - Mỹ Tân	-	109.726.996	(109.726.996)	-	-
- Lắp đặt hệ thống cấp nước - China Steel	-	406.181.361	(406.181.361)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống thép D600	-	783.904.689	(783.904.689)	-	-
- Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 - Quảng Phú	-	48.993.927	(48.993.927)	-	-
- Lắp đặt điểm nối mạng CN Tóc Tiên	-	46.382.425	(46.382.425)	-	-
- Lắp đặt hệ thống tủ điện, scada	-	2.980.885.920	-	(226.556.000)	2.754.329.920
Sửa chữa lớn TSCĐ	158.998.079	3.020.333.010	-	(614.324.496)	2.565.006.593
- Sửa chữa cải tạo nhà hành chính, thí nghiệm	158.998.079	330.114.519	-	(489.112.598)	-
- Gia cố bảo vệ tuyến ống dọc Quốc lộ 51	-	125.211.898	-	(125.211.898)	-
- Cải tạo phòng vận hành trạm bơm cấp 2	-	80.000.000	-	-	80.000.000
- Cải tạo bể lọc	-	2.485.006.593	-	-	2.485.006.593
<b>Cộng</b>	<b>12.860.201.746</b>	<b>9.608.270.412</b>	<b>(16.308.255.149)</b>	<b>(840.880.496)</b>	<b>5.319.336.513</b>

#### 9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500672245 ngày 19 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức là 12.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đầu tư thêm 38.000.000.000 VND theo đúng giá mua với số lượng 3.800.000 cổ phần. Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức đang thực hiện sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đầu tư 50.000.000.000 VND, tương đương 41,67 % vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	1.100.000	12.351.475.900	1.100.000	12.351.475.900
- Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức (*)	-	-	1.200.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>12.351.475.900</b>		<b>24.351.475.900</b>

(\*) Cổ phiếu Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức giảm do chuyển sang khoản đầu tư vào Công ty liên kết (do đầu tư thêm trong năm).

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí	Phân bổ vào	Số cuối năm
		phát sinh trong năm	chi phí trong năm	
Chi phí sửa chữa	-	674.590.858	(400.000.000)	274.590.858
Chi phí đi dờn tuyến ống D500	-	99.351.898	(70.351.898)	29.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>773.942.756</b>	<b>(470.351.898)</b>	<b>303.590.858</b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tuyến ống chuyển tải D500, D400 Long Sơn - Tân Thành, giai đoạn 1.

**13. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu	2.644.360.425	1.078.532.125
Các nhà cung cấp khác	429.914.751	252.729.061
<b>Cộng</b>	<b>3.074.275.176</b>	<b>1.331.261.186</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
		trong năm	trong năm	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	992.713.057	(860.203.684)	132.509.373
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.411.697.912	1.322.614.131	(2.212.077.389)	522.234.654
Thuế thu nhập cá nhân	38.469.194	860.777.015	(843.640.889)	55.605.320
Thuế tài nguyên	98.489.504	1.101.043.343	(1.185.352.109)	14.180.738
Các loại thuế khác	-	5.136.219	(5.136.219)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	60.060.677	575.346.843	(585.816.006)	49.591.514
<b>Cộng</b>	<b>1.608.717.287</b>	<b>4.857.630.608</b>	<b>(5.692.226.296)</b>	<b>774.121.599</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động cung cấp nước	05%
- Hoạt động thi công lắp đặt và cung cấp vật tư trang thiết bị ngành nước	10%

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Đối với thu nhập từ hoạt động cấp nước, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân do có số lao động đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa qui định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.015.604.337	32.028.123.364
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(2.200.000.000)</u>	<u>(2.036.598.000)</u>
Thu nhập tính thuế	31.815.604.337	29.991.525.364
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập hoạt động được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	30.843.195.131	27.118.493.211
- Thu nhập hoạt động không được hưởng ưu đãi (thuế suất 25%)	<u>972.409.206</u>	<u>2.873.032.153</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>3.327.421.815</b>	<b>3.430.107.359</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>(1.542.159.757)</b>	<b>(1.355.924.661)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%</b>	<b>(462.647.927)</b>	<b>(406.777.398)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b><u>1.322.614.131</u></b>	<b><u>1.667.405.301</u></b>

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### *Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác*

- Mức phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy (trừ nông thôn và khu công nghiệp). Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND-VP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Mức phí nước thải công nghiệp nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Phải trả người lao động

Quỹ lương được xác định trên tổng lượng nước sản xuất và tiêu thụ nhân đơn giá tiền lương, chi tiết số dư bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho nhân viên cung cấp nước	1.744.161.594	1.109.520.182
Phải trả cho nhân viên xây dựng lắp đặt	157.439.499	401.454.287
<b>Cộng</b>	<b><u>1.901.601.093</u></b>	<b><u>1.510.974.469</u></b>

#### 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	44.849.000	49.071.000
Cổ tức phải trả	2.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.649.424	77.311.701
<b>Cộng</b>	<b><u>2.061.498.424</u></b>	<b><u>126.382.701</u></b>

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.605.185.048	3.020.300.000	(2.828.000.000)	1.797.485.048
Quỹ phúc lợi	379.955.609	618.000.000	(507.620.093)	490.335.516
<b>Cộng</b>	<b><u>1.985.140.657</u></b>	<b><u>3.638.300.000</u></b>	<b><u>(3.335.620.093)</u></b>	<b><u>2.287.820.564</u></b>

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 31.

##### *Cổ tức*

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Trả cổ tức năm trước	8.100.000.000
Tạm ứng cổ tức trong năm	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>24.100.000.000</u></b>

##### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp nước	91.596.707.400	78.766.476.800
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	115.897.064	403.207.494
Doanh thu cung cấp vật tư, trang thiết bị ngành nước	83.281.000	164.434.100
<b>Cộng</b>	<b><u>91.795.885.464</u></b>	<b><u>79.334.118.394</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp nước <sup>(i)</sup>	57.002.697.041	47.824.979.986
Giá vốn xây dựng, lắp đặt	56.310.769	343.643.894
Giá vốn cung cấp vật tư, trang thiết bị ngành nước	70.237.087	158.574.015
<b>Cộng</b>	<b><u>57.129.244.897</u></b>	<b><u>48.327.197.895</u></b>

#### <sup>(i)</sup> Giá vốn cung cấp nước như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	39.118.817.994	32.367.272.582
Chi nhân công	8.739.890.302	7.540.759.010
Chi phí khấu hao	4.557.588.661	4.269.649.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.119.800.117	3.227.675.542
Chi phí khác	466.599.967	419.623.274
<b>Giá vốn cung cấp nước</b>	<b><u>57.002.697.041</u></b>	<b><u>47.824.979.986</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	24.815.548	19.848.747
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	759.947.880	2.149.666.152
Lãi tiền cho vay	-	716.129.221
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.200.000.000	2.036.598.000
Lãi bán chứng khoán	226.300.544	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.211.063.972</u></b>	<b><u>4.922.242.120</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	218.029.023	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(171.538.650)	12.611.967
<b>Cộng</b>	<b><u>46.490.373</u></b>	<b><u>12.611.967</u></b>